

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ MINH UYÊN**

**GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI**  
**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG -**  
**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**  
**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Ngọc Vũ**

Phản biện 1: **PGS.TS. Võ Thị Thúy Anh**

Phản biện 2: **TS. Tống Thiện Phước**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin học liệu - Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống NHTM với chức năng là trung gian tài chính giữa tiết kiệm và đầu tư, giữa những tác nhân dư vốn với những tác nhân thiếu vốn vẫn luôn là một kênh huy động vốn chủ lực cho nền kinh tế. Tuy nhiên nguồn vốn huy động của hệ thống NHTM còn chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng nguồn vốn nhàn rỗi của toàn xã hội. Hầu hết các ngân hàng đều nằm trong tình trạng thiếu vốn trung và dài hạn, gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm các nguồn vốn ổn định với chi phí hợp lý và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn. Do vậy, yêu cầu về mở rộng huy động vốn với quy mô và chất lượng cao là hết sức cần thiết cho các NHTM.

Nằm trong hệ thống các ngân hàng thương mại, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương Đà Nẵng (Saigonbank) đã và đang khẳng định vị thế của mình trong công tác huy động vốn đáp ứng nhu cầu tín dụng cho các thành phần kinh tế. Nguồn vốn huy động của Saigonbank đã tăng trưởng qua các năm nhưng so với yêu cầu thì những kết quả đạt được còn khá khiêm tốn. Để đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng tăng của các doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn, Saigonbank Đà Nẵng đứng trước những thách thức, đòi hỏi sự quan tâm, chú trọng hơn nữa đến công tác huy động vốn, khai thác tối đa những nguồn vốn đang còn tiềm tàng trong các tổ chức kinh tế và dân cư để có một nguồn vốn phong phú với cơ cấu vốn tối ưu đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và của chính bản thân Saigonbank. Nhận thức được vai trò của hoạt động huy động vốn đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng và thực tiễn hoạt động huy động vốn tại ngân hàng Sài Gòn Công thương, đề tài: ***“Giải pháp mở rộng huy***

**động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - CN Đà Nẵng”** được xây dựng nhằm giải quyết những yêu cầu trên.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

+ Hệ thống hóa, tổng hợp những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động huy động vốn của NHTM

+ Phân tích, đánh giá thực trạng công tác mở rộng huy động vốn của Saigonbank Đà Nẵng trong thời gian từ năm 2010 đến 2012.

+ Đề xuất các giải pháp nhằm mở rộng huy động vốn, tạo cơ cấu vốn huy động hợp lý đáp ứng các mục tiêu hoạt động tại NH TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động mở rộng huy động vốn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu về thực trạng mở rộng huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương CN Đà Nẵng trong ba năm 2010, 2011 và 2012, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp mở rộng huy động vốn trong thời gian đến.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

Xuất phát từ nền tảng cơ sở lý luận về hoạt động huy động vốn của NHTM, vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế, luận văn đi sâu nghiên cứu về mở rộng huy động vốn tại NH TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng.

Căn cứ vào các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác mở rộng huy động vốn, luận văn tiến hành nghiên cứu và sử dụng các kỹ thuật phân tích thực trạng huy động vốn và khả năng mở rộng công tác này của NH TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng trong giai đoạn 2010 - 2012.

Trên cơ sở đánh giá về thực trạng và định hướng của NH TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng, các giải pháp và kiến nghị sẽ được trình bày để góp phần mở rộng huy động vốn tại ngân hàng này trong thời gian tới.

Trong khi giải quyết các vấn đề nghiên cứu cụ thể, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích, phương pháp thống kê, tổng hợp, phương pháp so sánh, đối chiếu.

### **5. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hoạt động huy động vốn của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng mở rộng hoạt động huy động vốn tại ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng

Chương 3: Các giải pháp nhằm mở rộng huy động vốn tại ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng

Phần cuối cùng của luận văn là danh mục các tài liệu tham khảo.

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

- Luận văn “Giải pháp đẩy mạnh huy động tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng” năm 2012, của tác giả Trần Thị Thu Thanh, bảo vệ năm 2012 tại Đại học Đà Nẵng. Đề tài đã giải quyết các nội dung sau:

+ Nêu ra những lý luận chung như khái niệm, chức năng, vai trò của NHTM, các hoạt động cơ bản của NHTM.

+ Tác giả đã phân tích được thực trạng huy động vốn nói chung, đưa ra được những điểm mạnh, yếu, những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn tại Vietcombank Đà Nẵng trong ba năm 2009-2010-2011.

+ Đưa ra một số giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại trong công tác huy động vốn nói chung tại ngân hàng.

- Luận văn của tác giả Huỳnh Thị Kim Phượng (2009) với đề tài “Giải pháp gia tăng nguồn vốn huy động đối với hệ thống ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam”. Trong phần cơ sở lý luận tác giả đã trình bày khá chi tiết về vai trò, chức năng của NHTM cũng như phân chia khá rõ về các nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Trên cơ sở lý luận về các hoạt động huy động vốn của ngân hàng, tác giả đã xây dựng các hình thức huy động vốn, đề cập đến chi phí và rủi ro trong huy động vốn, làm rõ các nhân tố ảnh hưởng. Qua việc phân tích thực trạng huy động vốn tại ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm gia tăng nguồn vốn tại ngân hàng, các giải pháp được đề xuất có tính thực tiễn và có khả năng áp dụng vào thực tế để gia tăng nguồn vốn cho ngân hàng.

- Luận văn “Giải pháp tăng cường huy động vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định” năm 2012, của tác giả Hồ Văn Trị, bảo vệ năm 2012 tại Đại học Đà Nẵng. Đề tài cũng đưa ra một số nội dung cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại, sự cần thiết huy động vốn của ngân hàng, phần thực trạng đã đưa ra được những giải pháp cụ thể mà ngân hàng đã thực hiện trong thời gian qua về tăng cường huy động vốn, các giải pháp mà tác giả đề xuất có tính khoa học và có khả năng áp dụng vào thực tiễn.

## CHƯƠNG 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

## 1.1. HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại

*a. Khái niệm ngân hàng thương mại*

*b. Hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại*

*b.1. Hoạt động huy động vốn*

*b.2. Hoạt động sử dụng vốn*

*b.3. Hoạt động trung gian khác*

### 1.1.2. Hoạt động huy động vốn của ngân hàng thương mại

*a. Khái niệm về vốn của ngân hàng thương mại*

*b. Các hình thức huy động vốn của ngân hàng thương mại*

*b.1. Phân loại theo thời gian huy động*

*\* Huy động vốn ngắn hạn*

*\* Huy động vốn dài hạn*

*b.2. Phân loại theo đối tượng huy động*

*\* Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế, DN, cơ quan nhà nước*

*\* Huy động vốn từ các tầng lớp dân cư*

*\* Huy động vốn từ các ngân hàng khác và các tổ chức tài chính*

*b.3. Phân loại theo bản chất các nghiệp vụ huy động vốn*

*\* Huy động các tài khoản tiền gửi của khách hàng*

*\* Huy động vốn qua thị trường*

*b.4. Phân loại theo loại tiền*

## 1.2. MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.2.1. Nội dung mở rộng huy động vốn

Mở rộng huy động vốn là mở rộng quy mô huy động vốn trên

cơ sở đảm bảo tính hợp lý về cơ cấu vốn huy động và kiểm soát chi phí huy động vốn phù hợp với mục tiêu và chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Như vậy, nội dung của mở rộng huy động vốn bao hàm các yếu tố sau:

- Mở rộng quy mô huy động vốn tức là tăng số dư có các khoản vốn huy động qua các hình thức huy động vốn, nghĩa là tăng số dư của các khoản tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá, đáp ứng một cách hợp lý nhu cầu về nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng trong lĩnh vực huy động vốn.

- Đảm bảo tính hợp lý của cơ cấu vốn huy động về hình thức huy động, kỳ hạn, loại tiền... phù hợp với các mục tiêu thanh khoản, sinh lời và quản trị rủi ro trong ngân hàng.

- Việc mở rộng quy mô huy động phải đi kèm với việc kiểm soát chi phí huy động vốn.

- Gia tăng thị phần vốn huy động trên thị trường mục tiêu.

### **1.2.2. Tiêu chí đánh giá mở rộng huy động vốn của ngân hàng thương mại**

#### ***a. Mức tăng trưởng về qui mô huy động vốn***

Mức tăng trưởng về qui mô huy động vốn được đánh giá qua hai chỉ tiêu cụ thể:

- Mức tăng tuyệt đối về số dư huy động vốn qua thời gian
- Tốc độ tăng số dư huy động vốn qua thời gian

#### ***b. Mức tăng trưởng thị phần huy động vốn***

Thị phần huy động tiền gửi được đánh giá qua so sánh số dư huy động vốn của NH với tổng số dư huy động vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn (thường tính bằng %).



### ***c. Cơ cấu vốn huy động***

Trong hoạt động huy động, cần chú ý các loại cơ cấu sau:

- Cơ cấu tiền gửi tiết kiệm theo kỳ hạn
- Cơ cấu tiền gửi tiết kiệm theo loại tiền
- Cơ cấu vốn huy động theo hình thức tiền gửi
- Cơ cấu vốn huy động theo đối tượng khách hàng

Sự phù hợp về cơ cấu có thể đánh giá căn cứ vào việc so sánh cơ cấu vốn thực tế huy động so với kế hoạch; sự phù hợp về cơ cấu vốn huy động với cơ cấu sử dụng vốn. Tùy theo điều kiện thực tế, cơ chế hoạt động và điều kiện dữ liệu mà lựa chọn cách thức đánh giá phù hợp.

### ***d. Lãi suất và chi phí vốn huy động***

Chi phí huy động vốn bao gồm chi trả tiền lãi và các chi phí liên quan khác ngoài lãi, các NHTM cần phải kiểm soát chi phí huy động nhằm đảm bảo mục tiêu sinh lời của mình như:

- Xây dựng chính sách lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm hợp lý nhưng vẫn đảm bảo tính cạnh tranh.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn phù hợp với khả năng huy động vốn.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nguồn vốn.

### ***e. Các rủi ro chủ yếu liên quan đến huy động vốn***

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro phát sinh khi lãi suất thay đổi làm ngân hàng bị thiệt hại do giảm lợi nhuận của ngân hàng và giảm giá trị ròng của NH.

- Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro về khả năng ngân hàng không thể đáp ứng các dòng tiền ra với mức chi phí hợp lý và quy mô phù hợp khi khách hàng có nhu cầu.

- Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà sự thay đổi về tỷ giá và lãi suất ngoại tệ có thể tác động bất lợi đến giá trị các tài sản và nợ bằng ngoại tệ của ngân hàng hoặc gây nên sự tổn thất về lợi nhuận.

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

#### **1.3.1. Yếu tố khách quan**

- a. Chính sách chỉ đạo của ngân hàng nhà nước*
- b. Hoạt động kinh tế xã hội của đất nước*
- c. Sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường vốn*
- d. Tâm tư, thói quen của người tiêu dùng*

#### **1.3.2. Yếu tố chủ quan**

- a. Chính sách huy động vốn của ngân hàng*
- b. Nhân sự và công nghệ thông tin*
- c. Mạng lưới hoạt động của ngân hàng*
- d. Uy tín của ngân hàng*

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương 1 luận văn đã nêu được tổng quan về hoạt động của NHTM trong nền kinh tế thị trường, đề cập đến cơ cấu nguồn vốn của ngân hàng cũng như mở rộng hoạt động huy động vốn của NHTM, đồng thời nêu ra được vai trò hoạt động huy động vốn đối với việc quyết định quy mô kinh doanh, khả năng sinh lời và các rủi ro tiềm tàng trong mỗi ngân hàng. Luận văn đã nêu ra những tiêu chí cụ thể trong việc đánh giá mở rộng hoạt động huy động vốn và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động này.

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI**  
**NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG -**  
**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**2.1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

**2.1.2. Chức năng hoạt động**

**2.1.3. Cơ cấu tổ chức quản lý**

**2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2010 đến 2012 tại SGB Đà Nẵng**

***a. Tình hình cho vay***

Dư nợ tín dụng tại Saigonbank Đà Nẵng cho thấy tỷ trọng cho vay ngắn hạn tăng dần qua các năm cụ thể, năm 2010 chiếm tỷ trọng 76.16%, năm 2011 chiếm 84.29%, năm 2012 chiếm 85.95% trên tổng dư nợ. Trong năm 2012, tỷ trọng dư nợ trung hạn giảm từ 6.61% xuống còn 3.26% trong năm 2012, và tỷ trọng dư nợ dài hạn giảm từ 12.79% năm 2011 đến năm 2012 chỉ còn 10.79%.

***b. Kết quả tài chính***

Tổng thu tại chi nhánh tăng đều qua các năm, cụ thể năm 2011 tăng so với năm 2010 là 3,99 tỷ đồng, tăng 57.22%, năm 2012 tăng so với năm 2011 là 1,69 tỷ, tốc độ tăng là 15.41%. Doanh thu chủ yếu là từ nguồn lãi cho vay chiếm tỷ lệ trên 90%, trong khi đó nguồn thu từ dịch vụ ngân hàng chiếm tỷ trọng thấp, chỉ chiếm tỉ lệ khoảng 10%.

Chi phí của chi nhánh phần lớn là chi huy động vốn, loại chi phí này chiếm tỷ trọng khoảng 75% trong tổng chi của toàn chi nhánh, chủ yếu chi trả lãi tiết kiệm và quảng cáo, chi phí tiếp thị,

khuyến mãi bằng quà tặng.

## **2.2. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI SAIGONBANK ĐÀ NẴNG TỪ 2010-2012**

### **2.2.1. Đặc điểm khách hàng, thị trường huy động vốn của NHTMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng**

➤ *Đặc điểm khách hàng giao dịch tại Saigonbank ĐN*

Trong gian qua, khách hàng giao dịch tại Saigonbank Đà Nẵng ngày càng gia tăng với nhiều đối tượng khách hàng như khách hàng cá nhân, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng,... với đặc điểm của các đối tượng khách hàng này tương đối đa dạng và ổn định với nhiều thành phần như nhân viên văn phòng, người buôn bán, người dân, các công ty cổ phần, DNTN, DN có vốn đầu tư nước ngoài... trên địa bàn Đà Nẵng.

➤ *Đặc điểm thị trường, năng lực cạnh tranh trong hoạt động mở rộng huy động vốn*

Theo thống kê hiện nay cho thấy, hệ thống ngân hàng đã có một mạng lưới rộng khắp và đa dạng, các ngân hàng mọc lên ngày càng nhiều và việc phát triển mạng lưới dày đặc các phòng giao dịch trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tạo nên những thách thức không nhỏ cho các ngân hàng. Saigonbank Đà Nẵng đã giữ vững thương hiệu, nâng cao uy tín và tăng lượng khách hàng giao dịch trên địa bàn. Tuy nhiên thị trường để mở rộng huy động vốn đang chịu áp lực lớn trên địa bàn ngày một chia nhỏ.

### **2.2.2. Những biện pháp NHTMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng đã áp dụng để mở rộng huy động vốn**

➤ *Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ huy động vốn*

Saigonbank Đà Nẵng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn để đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ huy động đáp ứng nhu cầu

của thị trường, hiện tại các sản phẩm dịch vụ huy động vốn mà chi nhánh đang cung cấp cho khách hàng bao gồm huy động vốn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ (USD):

+ Tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của cá nhân và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội trong nước, các cá nhân và tổ chức nước ngoài sinh sống, hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Tiền gửi tiết kiệm của cá nhân trong nước và người nước ngoài làm việc và sinh sống hợp pháp tại Việt Nam.

+ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu có mục đích theo nhu cầu về vốn trong từng thời kỳ theo kế hoạch của Hội Sở chính. Là hình thức huy động vốn mang tính bổ sung nhằm đáp ứng quan hệ cung cầu vốn Saigonbank Đà Nẵng.

➤ *Triển khai các biện pháp nhằm tăng năng lực cạnh tranh, tăng thị phần vốn huy động*

Luôn thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt, phù hợp và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN, Hội sở chính để gia tăng nguồn vốn huy động từ dân cư, các tổ chức kinh tế, đặc biệt là khách hàng có tiền gửi lớn.

Thường xuyên tìm hiểu nguyên nhân khi khách hàng ngừng giao dịch, rút tiền để gửi sang ngân hàng khác để có biện pháp thích hợp nhằm duy trì quan hệ tốt với khách hàng.

Có chính sách miễn, giảm phí chuyển tiền cho khách hàng có số dư tiền gửi lớn, thường xuyên giao dịch với ngân hàng.

Tăng cường phát triển, tiếp thị gói sản phẩm trả lương qua thẻ ATM cho các doanh nghiệp.

### 2.2.3. Phân tích kết quả mở rộng huy động vốn tại Saigonbank Đà Nẵng

#### a. Tăng trưởng về quy mô vốn huy động

**Bảng 2.3: Quy mô vốn huy động từ năm 2010-2012**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng nguồn vốn huy động	127,841	101,160	232,952
Mức tăng giảm tuyệt đối so với năm trước	-	-26,681	131,792
Tỷ lệ tăng giảm so với năm trước(%)	-	-20.87	130.28

*(Nguồn Báo cáo KQKD của Saigonbank từ năm 2010-2012)*

Tổng nguồn vốn huy động đến năm 2011 là 101,160 triệu đồng, giảm 20,87% so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng vốn huy động năm 2011 giảm là do ngay từ đầu năm 2011, NHNN đã ban hành thông tư số 02/2011/TT-NHNN ngày 03/03/2011 quy định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng VNĐ không vượt quá 14%/năm. Năm 2012 là năm vốn huy động tăng cao nhất đạt 232,952 triệu đồng, tăng 130.28% so với năm 2011, huy động vốn tăng mạnh là do trong năm này, chi nhánh đã triển khai nhiều chương trình huy động tiết kiệm phong phú, đa dạng với lãi suất cũng như khuyến mại nên đã thu hút được vốn nhàn rỗi từ dân cư và các doanh nghiệp, nguồn vốn huy động này đã đáp ứng được công tác sử dụng vốn của chi nhánh trong năm.

#### b. Mức tăng trưởng thị phần huy động vốn của Saigonbank Đà Nẵng

Tuy có sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng, thị phần huy động vốn của Saigonbank Đà Nẵng vẫn tăng trưởng, cụ thể

năm 2012 đạt 232,952 triệu đồng, về số tuyệt đối tăng so với năm 2010 là 105,110 triệu đồng, so với năm 2011 tăng 131,791 triệu đồng. Nhìn chung thị phần vốn huy động của Saigonbank Đà Nẵng so với tổng vốn huy động của các ngân hàng TMCP trên địa bàn chiếm tỷ lệ nhỏ chỉ chiếm gần 2% trên tổng huy động vốn của các ngân hàng trên địa bàn Đà Nẵng.

**c. Mức tăng trưởng về cơ cấu nguồn vốn huy động**

**c.1. Cơ cấu nguồn vốn huy động theo hình thức huy động**

Đến cuối năm 2011, tổng nguồn huy động từ tiền gửi KKH chỉ đạt 7.397 triệu đồng giảm so với năm 2010 (giảm 37,77%) nhưng tới năm 2012 thì tỷ lệ này đã tăng lên 142.76%. Tỷ lệ tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn vẫn giảm so với năm 2010 (cụ thể là giảm 37.79% và 19.14%).

**c.2. Cơ cấu nguồn vốn huy động theo đối tượng huy động**

**Bảng 2.6. Tình hình huy động vốn của Saigonbank Đà Nẵng**

S T T	Chi tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Tỷ lệ 11/1 0	Tỷ lệ 12/11
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)		
1	Tiền gửi TK cá nhân	115,588	90.4	93,765	92.7	141,039	60.5	-18.9	50.4
2	Tiền gửi doanh nghiệp	10,552	8.3	5,463	5.4	90,616	38.9	-48.2	1558.7
3	Tiền gửi TCTD	1,702	1.3	1,932	1.9	1,297	0.6	13.5	-32.9
4	Giấy tờ có giá	0	0.0	0	0.0	0	0.0		
	Tổng NV HD	127,842	100	101,161	100	232,952	100	-20.9	130.3

*Tiền gửi của dân cư:* Nguồn tiền này có qui mô, cơ cấu lớn nhất trong tổng nguồn huy động, tỷ trọng dao động từ 60-90%. Đây chủ yếu là tiền gửi tiết kiệm, nguồn này có qui mô, cơ cấu

ổn định tăng qua các năm.

*Tiền gửi của TCKT:* Về cơ cấu: năm 2010 chiếm 8.25%, năm 2011 giảm -48.23% chỉ chiếm 5.25%, tính đến 2012 tăng lên 1558.72% chiếm 38.9% trong tổng nguồn huy động. Quy mô không ổn định khi năm 2012 tốc độ tăng trưởng 1558.72% nhưng một năm trước đó tốc độ chỉ đạt -48.23%.

*Tiền gửi của các TCTD khác:* Nguồn này trong những năm gần đây có qui mô, cơ cấu thấp trong tổng nguồn, chỉ từ 0.56% đến 1.33%. Nguồn tiền gửi của các TCTD khác thường chỉ nhằm mục đích thanh khoản, ngân hàng cũng không sử dụng nhiều nguồn này để cho vay và đầu tư.

### ***c.3. Cơ cấu nguồn vốn huy động theo thời gian***

*Nguồn vốn huy động không kỳ hạn:* nguồn vốn này được huy động chủ yếu từ các TCKT-XH, các doanh nghiệp và tài khoản của các TCTD khác, dân cư huy động không đáng kể nhưng có xu hướng giảm dần.

*Nguồn vốn huy động có kỳ hạn dưới 12 tháng:* Đây là loại tiền rất nhạy cảm với lãi suất do thời gian nhận rồi được dài, khách hàng đã kế hoạch hoá từ trước khi quyết định gửi vào ngân hàng theo những kỳ hạn nhất định. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng có cơ cấu cao (tỷ trọng từ 88.77%-91.74%) và đang có xu hướng tăng.

*Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng:* tiền gửi có kỳ hạn dài của Saigonbank Đà Nẵng có qui mô, cơ cấu nhỏ (tỷ trọng dao động từ 1% - 2%) tăng trưởng ổn định, có xu hướng tăng về cơ cấu (năm 2010 chiếm 1.04%; năm 2011 chiếm 0.98%; năm 2012 chiếm 1.35%).

### ***c.4. Cơ cấu nguồn vốn huy động theo loại tiền tệ***

Theo tỷ trọng tiền gửi ta thấy đồng nội tệ chiếm đa số trong tổng nguồn. Năm 2010 số lượng vốn huy động là 122,703 triệu đồng,



chiếm 95.98% tổng nguồn huy động, năm 2011 số lượng vốn huy động giảm xuống còn 97,202 triệu, chiếm 96.09% giảm 20.78% so với năm 2010, tuy nhiên đến năm 2012 số lượng vốn huy động lại tăng lên đến 224,625 triệu đồng, tăng 131.09% so với năm 2011. Đối với việc huy động vốn bằng ngoại tệ, trong năm 2012, nguồn vốn huy động gấp hơn 2 lần năm 2011, tăng 110.38%.

***d. Quan hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn tại Saigonbank Đà Nẵng***

Lãi suất đầu vào bình quân VND cho nguồn vốn huy động giảm liên tiếp qua các năm, còn lãi suất đầu vào USD không biến động. Lãi suất bình quân đầu ra VND cũng có chiều hướng giảm liên tiếp qua các năm, năm 2010 là 19.25%/năm, năm 2011 là 18.78%/năm, năm 2012 là 14.75%/năm, còn lãi suất USD đầu ra có biến động nhưng không đáng kể. Chênh lệch lãi suất đầu ra bình quân đối với đầu vào bình quân năm 2010 là 5.78%/năm, năm 2011 là 5.28%/năm, năm 2012 là 4.25%/năm.

Tình hình sử dụng vốn tại Saigonbank ĐN cao hơn so với nguồn vốn huy động được. Khi nguồn tiền gửi không đáp ứng đủ nhu cầu tăng trưởng của sử dụng vốn, Saigonbank ĐN đã đi vay ngắn hạn của Hội sở, nên tỷ lệ sử dụng vốn/vốn huy động năm 2010 là 334%, năm 2011 là 376%, năm 2012 là 171%, năm 2012 đánh giá được tốc độ tăng của vốn huy động nhanh hơn tốc độ tăng của sử dụng vốn.

***e. Chi phí vốn huy động***

Trong tổng chi phí của ngân hàng thì chi trả lãi chiếm tỷ trọng lớn, điều đó cũng cho thấy quy mô huy động vốn ngày càng tăng, chi trả lãi năm 2010 chiếm tỷ lệ nhỏ, nhưng tăng mạnh vào năm 2011 với 70.96%, và năm 2011 tiếp tục tăng so với năm 2012 là 98.40%.

## **2.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến mở rộng huy động vốn của SGB Đà Nẵng**

### ***a. Nhân tố chủ quan***

- Diện mạo cơ sở vật chất hạ tầng chưa thật sự tạo ấn tượng tốt đối với khách hàng, hệ thống mạng lưới chi nhánh ít, chỉ có hai phòng giao dịch, nhưng cả hai phòng giao dịch còn nhỏ bé, chật chội so với các ngân hàng khác.

- Về lãi suất: Lãi suất huy động vốn còn chưa hợp lý, không những không có sự chênh lệch đáng kể so với các Ngân hàng TMCP. Chính sách lãi suất của Saigobank Đà Nẵng còn chưa linh hoạt, chưa bám sát kịp thời với những thay đổi của thị trường nơi đây, chủ yếu phụ thuộc và mức lãi suất do Hội sở chính đưa ra.

### ***b. Nhân tố khách quan***

- Lạm phát gia tăng trong những năm gần đây, đặc biệt là từ cuối năm 2010 đã gây tâm lý lo đồng tiền trượt giá nên người dân thích cất trữ tài sản dưới dạng vàng hơn là gửi tiền vào NH.

- Nền kinh tế suy thoái: Kinh tế khó khăn, nhiều doanh nghiệp tiến hành cắt giảm nhân công vì thế thu nhập của nhiều người dân sụt giảm, khoản tiền nhàn rỗi trong dân cư cũng ít đi, các doanh nghiệp thu hẹp phạm vi hoạt động kinh doanh nên việc sử dụng các tiện ích, các dịch vụ ngân hàng cũng vì thế mà giảm.

- Áp lực cạnh tranh: Theo thống kê của ngân hàng Nhà nước, Đà Nẵng hiện có khoảng 60 CN ngân hàng với hơn 250 phòng giao dịch, do đó sự cạnh tranh trong hoạt động giữa các NH càng trở nên khốc liệt hơn. Bên cạnh đó sản phẩm ngân hàng dễ dàng bắt chước nên các sản phẩm trong huy động cũng được các ngân hàng áp dụng với nhiều hình thức hấp dẫn để thu hút khách hàng, từ đó dẫn đến thị phần huy động của chi nhánh nhỏ.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI SAIGONBANK ĐÀ NẴNG**

### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

*- Linh hoạt về lãi suất và đa dạng kỳ hạn huy động trong từng thời kỳ*

- Tăng quy mô và cơ cấu huy động*
- Chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý*
- Ngân hàng đã hiện đại hoá giao dịch ngân hàng*

### **2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại**

*- Các sản phẩm huy động vốn chưa thật sự đa dạng, còn mang tính truyền thống.*

- Lãi suất huy động chưa linh hoạt và chưa chủ động*
- Cơ cấu vốn huy động chưa hợp lý*
- Thị phần vốn huy động tiền gửi tiết kiệm còn thấp so với tổng huy động tiền gửi tiết kiệm của các ngân hàng trên địa bàn.*

- Chưa đa dạng hoá được loại hình sản phẩm và dịch vụ*
- Hoạt động công nghệ thông tin cũng gặp phải một số khó khăn.*

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Qua phân tích, đánh giá kết quả thực hiện dựa trên các tiêu chí như quy mô vốn huy động, cơ cấu vốn huy động, thị phần, quan hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn, chi phí vốn, đề tài đã cho thấy được kết quả hoạt động huy động vốn tại Saigonbank Đà Nẵng với nhu cầu cho vay, so với kế hoạch được Hội sở chính giao cũng như so sánh thị phần với một số ngân hàng trên địa bàn trong 3 năm.

**CHƯƠNG 3**  
**GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN**  
**TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG -**  
**CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

**3.1. CĂN CỨ MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG TRONG THỜI GIAN TỚI**

**3.1.1. Định hướng hoạt động kinh doanh**

**a. Mục tiêu**

Tái cơ cấu hoạt động ngân hàng, tăng năng lực cạnh tranh nhằm thực hiện thành công là trở thành “một trong những ngân hàng TMCP lớn mạnh hàng đầu trong hệ thống NHTMCP”.

**b. Định hướng phát triển của Saigonbank**

- Tiếp tục thực hiện tăng trưởng các mặt hoạt động kinh doanh, đảm bảo an toàn và hiệu quả
- Tổng nguồn vốn huy động tăng từ 20% so với năm trước.
- Dự nợ hàng năm tăng từ 20 - 25% một năm.
- Tỷ lệ nợ quá hạn giảm 5% so với năm trước.
- Phát triển nguồn nhân lực: tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực đủ năng lực vận hành công nghệ mới và quản trị ngân hàng theo chuẩn quốc tế.
- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng: hoàn tất việc xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán.
- Phát triển các dịch vụ ngân hàng mới: nghiên cứu triển khai các dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ mới.
- Xây dựng và quảng bá thương hiệu Saigonbank.

- Thường xuyên đổi mới công nghệ, gia tăng các sản phẩm dịch vụ

### **3.1.2. Định hướng mở rộng huy động vốn tại Saigonbank Đà Nẵng**

- Xác định huy động vốn tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu.

- Huy động vốn từ nền kinh tế hằng năm tăng bình quân từ 18-20%

- Giữ vững thị phần huy động vốn.

- Mở rộng các hình thức huy động vốn; Mở rộng nguồn tiền gửi của dân cư, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tín dụng và ngân hàng trong và ngoài nước.

- Duy trì và phát huy các biện pháp huy động vốn hữu hiệu, có khả năng cạnh tranh cao.

- Tăng thêm chất lượng của nguồn vốn huy động bằng việc tăng cường thu hút các nguồn vốn trung và dài hạn, đặc biệt là các nguồn vốn của dân, các khoản đầu tư của các tổ chức kinh tế nước ngoài.

### **3.1.3. Định hướng trong công tác sử dụng vốn**

- Mở rộng các hoạt động tín dụng như kinh doanh bất động sản, thanh toán thẻ tín dụng...

- Tập trung đầu tư vốn cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, chú trọng đầu tư cho các tổng công ty thực hiện các chương trình được chính phủ phê duyệt. Tiếp tục đầu tư cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. có đầy đủ hồ sơ pháp lý chuẩn mực, bảo đảm thu hồi vốn vay.

## **3.2. CÁC GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

### **3.2.1. Mở rộng mạng lưới kinh doanh**

Đối với hoạt động huy động vốn của Saigonbank Đà Nẵng, giải pháp này phải thực sự được coi là giải trọng tâm, cấp bách hàng đầu. Hiện tại số lượng phòng giao dịch trực thuộc Saigonbank Đà Nẵng là 2 PGD, trong những năm tiếp theo, để giữ được khách hàng cũ và thu hút thêm được khách hàng mới, ngân hàng cần phải xây dựng kế hoạch mở rộng mạng lưới kinh doanh, do đó trong năm tới thành lập thêm từ 1 đến 2 phòng giao dịch tại các khu dân cư tập trung nhất là các khu dân cư và các trục đường chính, nơi có các khu kinh doanh sầm uất như chợ, siêu thị.

### **3.2.2. Thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt và hợp lý**

Chính sách lãi suất quyết định đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Do vậy ngân hàng cần phải thường xuyên theo dõi, dự đoán sự biến động lãi suất, tính toán lãi suất bình quân đầu vào - đầu ra để đưa ra các mức lãi suất vừa có tính cạnh tranh, vừa có tính hấp dẫn nhưng vẫn đảm bảo kế hoạch lợi nhuận.

### **3.2.3. Đa dạng hóa các công cụ mở rộng huy động vốn**

➤ *Đa dạng các kỳ hạn cho sản phẩm huy động mang tính truyền thống*

➤ *Bổ sung các sản phẩm huy động vốn*

➤ *Thường xuyên và kịp thời đưa ra các sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có tính gói đầu khi các sản phẩm trước đó đến hạn thanh toán.*

➤ *Chuyển dịch cơ cấu vốn huy động theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn huy động trung dài hạn.*

### **3.2.4. Mở rộng đối tượng khách hàng, linh hoạt sản phẩm với từng đối tượng khách hàng**

#### *➤ Đối với tiền gửi dân cư*

Phân đầu năm 2013 Saigonbank Đà Nẵng có số dư tiền gửi dân cư từ 180 tỷ đến 190 tỷ, chiếm 60% đến 70% nguồn vốn nhằm tạo sự ổn định về nguồn vốn cũng như có lợi về lãi suất đầu vào, trong đó tiền gửi dân cư bằng ngoại tệ đạt 10 tỷ, tương đương 476 ngàn USD nhằm đáp ứng cho các nhu cầu vay vốn nhập khẩu.

#### *➤ Tiền gửi các tổ chức kinh tế*

Mục tiêu lớn nhất của các tổ chức kinh tế khi gửi tiền vào ngân hàng là hưởng những tiện ích trong thanh toán. Đối với ngân hàng, đây là nguồn tiền gửi có chi phí huy động và tính ổn định thấp nhất. Do vậy, ngoài nguồn vốn huy động được từ dân cư ngân hàng cũng cần quan tâm đến tính hiệu quả cao của nguồn vốn này.

#### *➤ Tiền gửi của các tổ chức tín dụng*

Trong tất cả nguồn vốn huy động của ngân hàng, nguồn tiền gửi của các tổ chức tín dụng rất không ổn định và lãi suất cao. Năm 2012 Saigonbank Đà Nẵng giữ nguồn vốn này ở mức 3% đến 5% tổng nguồn vốn (Đây là nguồn vốn không kỳ hạn của ngân hàng TMCP Bản Việt, năm 2013 tiếp tục giữ mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để có số dư tiền gửi là 1,68 tỷ đồng, chiếm 5% đến 7% nguồn vốn kinh doanh.

#### *➤ Tiền gửi của các tổ chức khác*

Saigonbank Đà Nẵng là chi nhánh ngân hàng hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, một địa bàn có tính cạnh tranh cao, tập trung rất nhiều đơn vị, cơ quan, tổ chức đoàn thể, do vậy để thu hút vốn đòi hỏi ngân hàng phải thực sự chủ động trong công tác huy động vốn.

### **3.2.5. Hoàn thiện chính sách khách hàng**

- Tích cực tìm kiếm mở rộng khách hàng gửi tiền tiết kiệm
- Tăng cường hơn nữa công tác quảng cáo, tiếp thị và khuyến mại về sản phẩm bán lẻ
- Tổ chức các buổi giao lưu tri ân dành cho khách hàng có lượng tiền gửi lớn và quan hệ lâu năm

### **3.2.6. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ liên quan đến công tác mở rộng huy động vốn**

- Đảm bảo tính cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn
- Bổ sung các tiện ích của máy ATM
- Cung cấp sản phẩm phục vụ tại nhà đối với huy động vốn, chuyển tiền với số lượng lớn.
- Xây dựng quy trình chi trả kiều hối tại nhà
- Cung cấp sản phẩm “Thấu chi tài khoản” cho khách hàng cá nhân đảm bảo bằng sổ tiết kiệm

### **3.2.7. Nâng cao uy tín của Saigonbank Đà Nẵng trên thị trường**

Thực hiện công tác thông tin quảng cáo rộng khắp. Đối với một ngân hàng còn trẻ như SGB thì việc mở rộng hoạt động của ngân hàng thông qua khuyến khích trương, quảng cáo là một việc rất cần thiết, có thể tuyên truyền quảng cáo về lãi suất, hình thức huy động, lợi ích của khách hàng khi gửi tiền vào ngân hàng, quảng cáo trên các báo chuyên ngành, xây dựng kế hoạch quảng cáo thông qua một số phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, trên mạng...

### **3.2.8. Các giải pháp hỗ trợ khác**

- Thường xuyên đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự
- Nâng cao kỹ năng bán hàng của cán bộ ngân hàng



➤ *Xây dựng môi trường làm việc tích cực và có chính sách đãi ngộ thích hợp*

### **3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

**3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ**

**3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước**

**3.3.3. Kiến nghị đối với hội sở chính của Saigonbank**

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Dựa trên cơ sở lý luận ở chương 1 và thực hiện phân tích, đánh giá thực trạng huy động vốn trong chương 2, chương 3 đã đưa ra các giải pháp nhằm mở rộng huy động vốn tại Saigonbank Đà Nẵng. Các giải pháp được đưa ra mang tính thực tiễn, gắn liền với thực trạng hiện tại của Saigonbank Đà Nẵng, góp phần giải quyết những vướng mắc gây cản trở trong việc đẩy mạnh công tác mở rộng huy động vốn tại Saigonbank Đà Nẵng. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các giải pháp, luận văn cũng đã đề xuất một số kiến nghị với Chính phủ, ngân hàng Nhà nước và Hội sở ngân hàng.

## KẾT LUẬN

Với mục đích nghiên cứu của đề tài **“Giải pháp mở rộng huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng”** nội dung luận văn đã hoàn thành các nhiệm vụ cơ bản sau:

Hệ thống hóa lý luận chung về huy động vốn, công tác mở rộng huy động vốn của các NHTM và những nhân tố ảnh hưởng.

Luận văn phân tích thực trạng mở rộng nguồn vốn huy động của Saigonbank Đà Nẵng về quy mô, tỷ trọng và cơ cấu vốn huy động trong mối quan hệ với công tác sử dụng vốn, đồng thời chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng, hạn chế và nguyên nhân trong công tác mở rộng huy động vốn tại ngân hàng, từ đó có cái nhìn chính xác nhằm đưa ra các giải pháp thích hợp.

Trên cơ sở định hướng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực huy động vốn của Hội sở và Saigonbank Đà Nẵng, luận văn đưa ra các giải pháp chính sau đây:

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh
- Thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt và hợp lý
- Đa dạng hóa các công cụ mở rộng huy động vốn
- Mở rộng đối tượng khách hàng, linh hoạt sản phẩm với từng đối tượng khách hàng
- Hoàn thiện chính sách khách hàng
- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ liên quan đến công tác mở rộng huy động vốn
- Nâng cao uy tín của Saigonbank Đà Nẵng trên thị trường.